

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày 13 – 11 – 2020

Về việc: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út.

2. Ông Phan Văn Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 13 tháng 11 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2020/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020, về việc: “Xin Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Đỗ Ngọc H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số B, ấp R, xã Th, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

Bị đơn: Ông Đinh Ngô La Th, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp X, xã Th, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Đỗ Ngọc H trình bày: Bà và ông Đinh Ngô La Th chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Th, thị xã H(nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/01/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Th ghen tuông vô cớ, thường xuyên uống rượu. Bà và người thân có khuyên nhủ ông Th nhiều lần nhưng

ông Th vẫn không thay đổi, tháng 7/2019 bà và ông Th không còn chung sống với nhau, bà về gia đình cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Vào tháng 5/2020 bà có làm đơn xin ly hôn ông Th và được Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, quá trình giải quyết được sự hòa giải, động viên nên bà rút đơn khởi kiện để cho ông Th cơ hội sửa đổi, nhưng ông Th vẫn không thay đổi. Nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án cho được ly hôn với ông Đinh Ngô La Th.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có một con chung, tên Đinh Kiến Ph, sinh ngày 11/4/2015, giới tính nam. Hiện nay con đang sống với ông Th, ly hôn bà đồng ý giao con chung cho ông Th tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà và ông Th tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng chi phí nuôi con chung không yêu cầu Tòa án ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Đinh Ngô La Th trình bày:* Ông và bà Đỗ Ngọc H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Th, thị xã Hà Tiên (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/01/2012. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì nhưng thời gian sau này ông phát hiện bà H có quan hệ tình cảm với người khác, do đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông có đi nhậu và kiếm chuyện ghen tuông với bà H nên bà H bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống tại ấp R, xã Th, thành phố H khoảng một năm nay. Trong thời gian không chung sống ông có nhiều lần tìm gặp bà H để hòa giải nhưng bà H không đồng ý gặp mặt ông. Bà H có nhiều lần xin ly hôn với ông nhưng ông cương quyết không ly hôn vì còn thương vợ con.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Đinh Kiến Ph, sinh ngày 11/4/2015, giới tính nam. Hiện nay con chung đang sống với ông, trường hợp ly hôn ông đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Ông và bà H tự thỏa thuận việc cấp dưỡng chi phí nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng ông, bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Đỗ Ngọc H được ly hôn với ông Đinh Ngô La Th; giao con chung cho ông Th tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà H và ông Th tự thỏa thuận việc cấp dưỡng chi phí nuôi con chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận; tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xem xét. Buộc nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Đỗ Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đinh Ngô La Th, ông Th có nơi cư trú tại ấp X, xã Th, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Do đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Ngọc H và ông Đinh Ngô La Th chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Th, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/01/2012. Như vậy, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa bà H cương quyết xin được ly hôn, ông Th thì không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ. Xét về mâu thuẫn thì ông, bà đã không còn chung sống trên 1 năm nay, cụ thể theo bà H là do ông Th thường xuyên rượu chè, ghen tuông vô cớ nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do đó từ tháng 7/2019 bà về nhà cha mẹ sinh sống cho đến nay, tháng 5/2020 bà có xin ly hôn sau đó rút đơn để có thời gian cho ông Th sửa chữa nhưng cũng không mang lại kết quả. Theo ông Th lý do bà H xin ly hôn là do bà H có người đàn ông khác nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Quá trình xác minh về tình trạng hôn nhân của bà Đỗ Ngọc H và ông Đinh Ngô La Th được Ban Chính quyền địa phương cho biết bà Đỗ Ngọc H và ông Đinh Ngô La Th có đăng ký thường trú tại ấp X, xã Th, thành phố H, tuy nhiên hiện nay bà H không còn sinh sống tại địa phương, bà H và ông Th không còn chung sống với nhau, ông Th và bà H có một con chung hiện nay đang sống với ông Th tại ấp X, xã Th, thành phố H. Xét thấy giữa bà H, ông Th có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng ông bà cũng không còn chung sống với nhau, trong thời gian không còn chung sống ông bà cũng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Do đó, việc chấp nhận cho bà H và ông Th ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu

ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[3] Về con chung: Ông, bà chung sống có một con chung tên Đinh Kiến Ph, sinh ngày 11/4/2015, giới tính nam. Hiện nay đưa con đang sống chung với ông Th. Khi ly hôn bà H đồng ý giao con chung cho ông Th tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông Th cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Do đó, cần chấp nhận giao con chung cho ông Th tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: “...2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Ông Th, bà H tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng chi phí nuôi con chung không yêu cầu ghi nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông, bà trình bày trong thời gian chung sống không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Đỗ Ngọc H xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho bà Đỗ Ngọc H được ly hôn với ông Đinh Ngô La Th.
2. Về con chung: Giao con chung tên Đinh Kiến Ph, sinh ngày 11/4/2015, giới tính nam cho ông Th tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà H và ông Th tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Ông Đinh Ngô La Th cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Đỗ Ngọc H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không phải giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đỗ Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003758 ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Sau khi khấu trừ bà H không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP.H;
- Chi cục THADS TP. H;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Phước Thành